

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG
Bản án số: 06/2025/DS- ST
Ngày: 12- 8 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giang.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Huệ và ông Nguyễn Tư .

- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân khu vực 7 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2025/TLST- DS ngày 21 tháng 4 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Mỹ L, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn F, xã Q, tỉnh Lâm Đồng; đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị D, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lâm Đồng (văn bản ủy quyền ngày 19- 3- 2025) - *có mặt*.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lâm Đồng – *có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 03 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Trương Mỹ L trình bày:

Ngày 10/11/2022 âm lịch (ngày 03/12/2022 dương lịch) nguyên đơn cho bà Đ vay số tiền 105.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất, hạn 10 ngày sau sẽ trả.

Đến hạn, dù nhiều lần yêu cầu nhưng bà Đ không trả nợ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Vũ Thị Đ phải trả 105.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật từ thời điểm vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Vũ Thị Đ trình bày: Bà thừa nhận là có vay của nguyên đơn bà L số tiền 105.000.000 đồng, chữ ký trong giấy nhận vay nợ là của bà. Nay nguyên đơn bà L khởi kiện, do hoàn cảnh gia đình khó khăn xin trả 2.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn xin trả 2.000.000 đồng/tháng.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trương Mỹ L, buộc bà Vũ Thị Đ trả 105.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất từ thời điểm vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, yêu cầu bị đơn bà Vũ Thị Đ trả 105.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn C, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1]. Về nợ gốc: Ngày 10/11/2022 (ngày 03/12/2022 dương lịch) bà L có cho bà Đ vay số tiền 105.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền, hẹn 10 ngày sau sẽ trả, giấy vay tiền không ghi lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án bà Đ thừa nhận có nợ bà L 105.000.000 đồng, chữ ký trong giấy vay tiền là của bà Vũ Thị Đ, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, xin trả 2.000.000 đồng/tháng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 105.000.000 đồng một lần theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về lãi suất: Giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do các đương sự không thỏa thuận được nên lãi suất áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể tiền lãi phải trả được tính như sau: 105.000.000 đồng x 10%/tháng/12 x 02 năm 08 tháng 09 ngày = 29.136.000 đồng (tính theo số ngày nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa)

[2.3]. Từ phân tích tại mục [2.1] và [2.2] cần buộc bị đơn bà Vũ Thị Đ phải trả cho nguyên đơn bà Trương Mỹ L tổng số tiền 134.136.000 đồng, trong đó nợ gốc là 105.000.000 đồng, lãi suất là 29.136.000 đồng.

[3]. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Mỹ L.

Buộc bị đơn bà Vũ Thị Đ phải trả cho nguyên đơn bà Trương Mỹ L số tiền 134.136.000 đồng (trong đó nợ gốc là 105.000.000 đồng, lãi suất là 29.136.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị Đ phải nộp 6.706.8000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Mỹ L được nhận lại 2.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003419 ngày 14- 4 -2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Lâm Đồng).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký